

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 876/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026 - 2035

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 111/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo;

Căn cứ Quyết định số 2138/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 79/TTr-BKHHCN ngày 29 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2026 - 2035 (sau đây viết tắt là Chiến lược) với những nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) theo hướng đổi mới tư duy quản lý, coi định hướng áp dụng tiêu chuẩn và phát triển TCVN là công cụ chiến lược của Nhà nước trong quản trị và phát triển quốc gia, góp phần định hướng phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh quốc gia. Hệ thống TCVN là cấu phần quan trọng của hạ tầng chất lượng quốc gia và là nền tảng kỹ thuật phục vụ hoạch định, thực thi chính sách công và phát triển thị trường, qua đó góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế, tạo nền tảng kỹ thuật hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức 2 con số trong giai đoạn phát triển mới.

2. Phát triển hệ thống TCVN phải gắn với yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong bối cảnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và hội nhập quốc tế sâu rộng; TCVN là cơ sở kỹ thuật cho xây dựng quy chuẩn kỹ thuật và vận hành hiệu quả các hàng rào kỹ thuật trong thương mại, góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia, an toàn xã hội và quyền lợi người tiêu dùng; ưu tiên hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực.

3. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống TCVN theo hướng chủ động, đi trước một bước, kịp thời đáp ứng yêu cầu phát triển các công nghệ mới, mô hình kinh tế mới và các xu thế toàn cầu như chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững. Đổi mới cơ chế xây dựng tiêu chuẩn theo hướng mở, linh hoạt, lấy nhu cầu thị trường và doanh nghiệp làm trung tâm; tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, viện nghiên cứu và cơ sở đào tạo.

4. Hệ thống TCVN là một cấu phần của Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI), đóng vai trò là nền tảng kỹ thuật và tham chiếu chung cho hoạt động đo lường, đánh giá sự phù hợp (thử nghiệm, chứng nhận, giám định,...), công nhận và các công cụ quản lý nhà nước.

II. MỤC TIÊU CHUNG

Xây dựng hệ thống TCVN hiện đại, mở, hài hòa tiêu chuẩn quốc tế, đóng vai trò là hạ tầng thể chế mềm của quốc gia, là công cụ thực thi chính sách công và nền tảng kỹ thuật cho quản lý nhà nước. Thúc đẩy để tiêu chuẩn trở thành động lực đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển bền vững. Hình thành hệ sinh thái tiêu chuẩn đồng bộ với hoạt động đo lường và hoạt động quản lý chất lượng. Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức xã hội trong xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn. Nâng cao năng lực thể chế, nguồn nhân lực và hợp tác quốc tế để khẳng định vai trò chủ động của Việt Nam trong kiến tạo tiêu chuẩn toàn cầu và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Giai đoạn đến năm 2030

a) Tăng cường hội nhập và hài hòa tiêu chuẩn quốc tế

- Phấn đấu 75% TCVN hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn nước ngoài của các nước phát triển.

- Phấn đấu 100% lĩnh vực trong Khung phân loại TCVN tương thích với phân loại cấp 2 của Khung phân loại tiêu chuẩn quốc tế ICS của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO).

- Đối với lĩnh vực tiêu chuẩn có liên quan đến phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược, các ngành kinh tế trọng điểm của Việt Nam phấn đấu có đại diện tham gia vào 60% các Ban kỹ thuật tương ứng của ISO, IEC, ITU,...; Ban kỹ thuật TCVN có đại diện tham gia vào Ban kỹ thuật của IEC trong một số lĩnh vực có liên quan đến phát triển đô thị thông minh.

b) Nâng cao mức độ áp dụng và hiệu quả thực thi tiêu chuẩn

- Phấn đấu trung bình hằng năm có 50.000 chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa Việt Nam.

- Phấn đấu 50% TCVN xây dựng mới có sự tham gia của doanh nghiệp, hiệp hội, viện nghiên cứu và các trường đại học.

- Triển khai chương trình hỗ trợ tối thiểu 50.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tiếp cận và áp dụng TCVN thông qua các cơ chế hỗ trợ tài chính, đào tạo tại chỗ và tư vấn theo ngành.

c) Phát triển đội ngũ chuyên gia đủ năng lực tham gia xây dựng TCVN và tiêu chuẩn quốc tế

- Phấn đấu đào tạo 300 chuyên gia đủ năng lực tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc tế hoặc tham gia các Ban kỹ thuật của các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, tổ chức tiêu chuẩn hóa nước ngoài của các nước phát triển.

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về tiêu chuẩn hóa cho ít nhất 5.000 lượt công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm.

- Tích hợp nội dung đào tạo về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng vào chương trình giảng dạy chính quy tại ít nhất 50 trường đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc khối ngành kỹ thuật, công nghệ và kinh tế.

d) Phát triển hệ thống TCVN, ưu tiên các lĩnh vực trọng điểm và công nghệ mới

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia trong các lĩnh vực công nghệ số và dữ liệu; thúc đẩy hài hòa với các tiêu chuẩn quốc tế, khu vực và nước ngoài có liên quan, đặc biệt trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, mã hóa, trung tâm dữ liệu và các công nghệ số mới.

- Xây dựng định hướng áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài và TCVN phục vụ phát triển công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược, trong đó xây dựng và công bố khoảng 100 TCVN mới góp phần tạo nền tảng kỹ thuật cho phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh.

- Tăng cường năng lực tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc tế trong các lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu và lợi thế; bảo đảm 100% các lĩnh vực công nghệ trọng điểm có Ban kỹ thuật TCVN tương ứng với các Ban kỹ thuật của các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế.

đ) Đưa TCVN trở thành công cụ chính sách và động lực phát triển quốc gia

- Đảm nhiệm vai trò chủ trì, đồng chủ trì, thư ký từ 01 đến 02 Ban kỹ thuật hoặc nhóm công tác của các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế trong các lĩnh vực ưu tiên mà Việt Nam có lợi thế.

- Phân đầu chủ trì hoặc đồng chủ trì từ 2 đến 3 dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc tế đối với các lĩnh vực có liên quan đến phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược, các ngành kinh tế trọng điểm của Việt Nam.

- Ký kết và triển khai ít nhất 20 thỏa thuận hợp tác tiêu chuẩn hóa với các quốc gia và tổ chức quốc tế.

e) Thực thi đầy đủ các nghĩa vụ về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) và minh bạch hóa kỹ thuật

- Bảo đảm 100% nghĩa vụ thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại theo cam kết WTO/TBT, EVFTA và CPTPP được thực thi đúng hạn.

- Thiết lập cơ chế phân tích tác động kỹ thuật của TCVN và quy chuẩn kỹ thuật đối với thương mại xuất nhập khẩu; xây dựng cơ sở dữ liệu về rào cản kỹ thuật thương mại của các thị trường trọng điểm để hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu.

2. Giai đoạn đến năm 2035

a) Phân đầu 80% TCVN được hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn nước ngoài của các nước phát triển nhằm nâng cao khả năng tiếp cận thị trường quốc tế của sản phẩm, hàng hóa Việt Nam.

b) Phân đầu 60% số TCVN được xây dựng trên cơ sở nhu cầu thực tiễn của thị trường trọng điểm.

c) Phân đầu 30% TCVN mới được xây dựng trong giai đoạn phục vụ các lĩnh vực công nghệ mới đặc biệt là công nghệ chiến lược, kinh tế số, kinh tế xanh và phát triển bền vững.

d) Nâng cao tiêu chuẩn thông qua đổi mới công nghệ. Thiết lập cơ chế liên kết giữa các dự án khoa học và công nghệ lớn với công tác tiêu chuẩn hóa. Phân đầu 10% nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần hình thành các TCVN.

đ) Đối với lĩnh vực tiêu chuẩn có liên quan đến phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược, các ngành kinh tế trọng điểm của Việt Nam phân đầu có đại diện tham gia vào 100% các Ban kỹ thuật tương ứng của ISO, IEC, ITU,...

e) Phân đầu chủ trì hoặc đồng chủ trì từ 5 đến 10 dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc tế đối với các lĩnh vực có liên quan đến phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược, các ngành kinh tế trọng điểm của Việt Nam.

g) Phân đầu trung bình hàng năm có 70.000 chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa Việt Nam.

h) Lồng ghép yêu cầu liên quan đến tiêu chuẩn trong khoảng 70% chiến lược, quy hoạch và chương trình phát triển ngành, lĩnh vực, nhằm phát huy vai trò của TCVN như một công cụ điều phối, dẫn dắt phát triển và tạo động lực cho tăng trưởng bền vững quốc gia.

i) Hoàn thành lộ trình chuyển đổi toàn bộ hệ thống TCVN sang định dạng có thể đọc được bằng máy (machine-readable) theo chuẩn quốc tế, bảo đảm ít nhất 80% TCVN trong các lĩnh vực ưu tiên được thực hiện theo chuẩn SMART Standards của IEC/ISO, làm nền tảng kỹ thuật cho chuyển đổi số quốc gia, hộ chiếu số sản phẩm và tự động hóa kiểm tra tuân thủ.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách và hạ tầng hỗ trợ phát triển TCVN

a) Nhóm chính sách thể chế và pháp lý

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về tiêu chuẩn quốc gia theo hướng đồng bộ, minh bạch, phù hợp thông lệ quốc tế; bảo đảm thống nhất giữa tiêu chuẩn quốc gia với quy chuẩn kỹ thuật và các công cụ quản lý nhà nước.

b) Phát triển hạ tầng số và cơ sở dữ liệu về hoạt động tiêu chuẩn hóa

- Xây dựng và vận hành nền tảng số quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng, cho phép quản lý toàn bộ vòng đời tiêu chuẩn từ đề xuất, xây dựng,

lấy ý kiến, công bố, phổ biến, tra cứu, áp dụng đến cập nhật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

- Phát triển cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm khả năng chia sẻ, khai thác và liên thông từ trung ương đến địa phương, hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan tiếp cận kịp thời thông tin về hoạt động tiêu chuẩn hóa.

- Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong quản lý và phân tích thông tin tiêu chuẩn, phục vụ xây dựng tiêu chuẩn mới và hỗ trợ doanh nghiệp tra cứu, tiếp cận và áp dụng tiêu chuẩn hiệu quả.

- Xây dựng và triển khai lộ trình chuyển đổi hệ thống TCVN sang định dạng có thể đọc được bằng máy theo chuẩn SMART Standards của IEC/ISO: giai đoạn 2026 - 2028 xây dựng khung quốc gia về tiêu chuẩn thông minh và thí điểm chuyển đổi tối thiểu 100 TCVN ưu tiên trong lĩnh vực công nghệ số và các ngành xuất khẩu trọng điểm; giai đoạn 2029 - 2035 mở rộng toàn hệ thống. Bảo đảm TCVN có thể đọc được bằng máy là phân hệ tích hợp trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đồng thời liên thông với cơ sở dữ liệu của ISO, IEC.

- Bảo đảm nền tảng số về tiêu chuẩn quốc gia là một phân hệ cấu thành của nền tảng số và cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia; bảo đảm liên thông và chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu của ISO, IEC, ASEAN và các đối tác song phương.

2. Xây dựng và áp dụng TCVN để thúc đẩy đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Thúc đẩy xây dựng TCVN phục vụ đổi mới công nghệ

- Ưu tiên xác định rõ định hướng áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài và xây dựng TCVN cho các công nghệ chiến lược và công nghệ mới nổi như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, blockchain, robot và tự động hóa, công nghệ bán dẫn, công nghệ lượng tử, vật liệu mới, hydrogen, công nghệ năng lượng mới và công nghệ sinh học tiên tiến, nhằm tạo nền tảng kỹ thuật cho phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Gắn việc định hướng áp dụng tiêu chuẩn và xây dựng TCVN với phát triển hệ thống đo lường, thử nghiệm và chứng nhận, bảo đảm khả năng kiểm chứng, đánh giá sự phù hợp và hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn đối với các công nghệ và sản phẩm mới.

b) Thúc đẩy tiêu chuẩn hóa để hỗ trợ đổi mới sáng tạo

- Lòng ghép yêu cầu xây dựng, sửa đổi và bổ sung tiêu chuẩn quốc gia vào các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của bộ, ngành và địa phương; khuyến

khích chuyển đổi kết quả nghiên cứu, sáng chế và công nghệ mới thành tiêu chuẩn quốc gia.

- Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và các trung tâm đổi mới sáng tạo trong hoạt động xây dựng tiêu chuẩn; phát triển mạng lưới chuyên gia tiêu chuẩn hóa gắn với các ban kỹ thuật TCVN trong các lĩnh vực công nghệ cao.

c) Phát triển hệ thống TCVN phục vụ chuyển đổi số

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống TCVN phục vụ chuyển đổi số, tập trung vào các lĩnh vực hạ tầng số, dữ liệu và các nền tảng số như dữ liệu mở, mạng thế hệ mới (5G/6G), điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu.

- Thúc đẩy xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn về khả năng tương tác, liên thông và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống số, góp phần phát triển hạ tầng số quốc gia và nền kinh tế số.

3. Xây dựng và áp dụng TCVN phục vụ phát triển công nghiệp và dịch vụ

a) Phát triển hệ thống TCVN nền tảng cho công nghiệp hiện đại và sản xuất thông minh, tập trung vào các ngành công nghiệp chiến lược, công nghệ cao như trí tuệ nhân tạo (AI), điện tử, vật liệu mới, năng lượng tái tạo, công nghiệp vi mạch, robot công nghiệp; góp phần tối ưu hóa chuỗi cung ứng, nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh quốc gia.

b) Xây dựng tiêu chuẩn phục vụ sản xuất bền vững trong công nghiệp, thúc đẩy áp dụng các quy trình sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải và tuần hoàn vật liệu.

c) Phát triển tiêu chuẩn cho cơ sở hạ tầng công nghiệp hiện đại và hạ tầng số, bao gồm hạ tầng thông tin, mạng truyền thông, cơ sở dữ liệu dùng chung, điện toán đám mây và hệ thống sản xuất tích hợp; bảo đảm khả năng tích hợp, tương tác và liên thông trong chuỗi giá trị.

d) Mở rộng xây dựng và áp dụng TCVN trong các ngành dịch vụ thị trường trọng điểm, như tài chính - ngân hàng, bất động sản, thương mại điện tử, logistics và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng cạnh tranh theo thông lệ quốc tế.

đ) Phát triển tiêu chuẩn trong lĩnh vực tài chính số và hạ tầng tài chính, góp phần tăng cường quản lý rủi ro, bảo vệ người tiêu dùng và thúc đẩy phát triển hệ thống thanh toán số.

e) Gắn hoạt động xây dựng và áp dụng TCVN với các sản phẩm, dịch vụ mang thương hiệu quốc gia, góp phần nâng cao giá trị và khả năng nhận diện của sản phẩm, dịch vụ Việt Nam trên thị trường quốc tế, thúc đẩy xuất khẩu và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

4. Xây dựng và áp dụng TCVN phục vụ phát triển đô thị hiện đại và quản lý xã hội

a) Chuẩn hóa phát triển đô thị thông minh và nâng cao chất lượng sống đô thị, bao gồm tiêu chuẩn về quy hoạch, thiết kế và vận hành đô thị; hạ tầng đô thị thông minh, an toàn; nền tảng dữ liệu và ứng dụng số phục vụ quản lý đô thị.

b) Xây dựng tiêu chuẩn cho công trình xây dựng bao gồm tiêu chuẩn đánh giá nhà ở, cải tạo và nâng cấp công trình công cộng, ứng dụng công nghệ số trong xây dựng và quản lý tài sản; kết hợp bảo tồn di sản với phát triển hạ tầng đô thị bền vững.

c) Chuẩn hóa quản trị xã hội hiện đại, bao gồm tiêu chuẩn về quản lý hành chính, tài chính công, dịch vụ công trực tuyến, cải cách thủ tục hành chính; tiêu chuẩn cho quản lý dữ liệu số, trung tâm điều hành thông minh, an ninh mạng và bảo vệ thông tin cá nhân.

5. Xây dựng và áp dụng TCVN phục vụ tăng trưởng xanh và phát triển bền vững

a) Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn về phát thải carbon và quản lý khí nhà kính, bao gồm kiểm kê khí nhà kính cho sản phẩm, doanh nghiệp và ngành kinh tế; tiêu chuẩn cho sản phẩm carbon thấp, công nghệ thu giữ và tái sử dụng CO₂.

b) Phát triển tiêu chuẩn sử dụng năng lượng hiệu quả bao gồm tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng cho thiết bị và sản phẩm; tiêu chuẩn phục vụ kiểm toán năng lượng, thử nghiệm, chứng nhận và dán nhãn năng lượng.

c) Thúc đẩy tiêu chuẩn về sản xuất và tiêu dùng bền vững bao gồm sản xuất xanh, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn, tiêu dùng thân thiện môi trường, mua sắm xanh và giảm lãng phí tài nguyên.

d) Xây dựng tiêu chuẩn bảo vệ tài nguyên và môi trường, bao gồm tiêu chuẩn sử dụng hiệu quả đất, nước và không khí; kiểm soát ô nhiễm; bảo tồn hệ sinh thái và đa dạng sinh học.

đ) Rà soát, cập nhật và xây dựng TCVN tương thích với tiêu chuẩn quốc tế và các cam kết toàn cầu về môi trường và biến đổi khí hậu, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng xanh quốc tế.

e) Triển khai áp dụng hệ thống TCVN phục vụ chuỗi cung ứng có trách nhiệm và yêu cầu ESG (môi trường, xã hội, quản trị) của thị trường quốc tế (TCVN ISO 26000 - trách nhiệm xã hội, TCVN ISO 20400 - mua sắm bền vững, TCVN ISO 14064 - kiểm kê khí nhà kính, TCVN ISO 37001 - quản lý chống hối lộ,...) cho các ngành xuất khẩu trọng điểm; xây dựng TCVN nền tảng cho Hộ chiếu số sản phẩm (Digital Product Passport - DPP) phục vụ xuất khẩu vào thị trường EU theo Quy định ESPR có hiệu lực từ 2027; hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng các yêu cầu của Cơ chế điều chỉnh carbon biên giới (CBAM) của EU thông qua TCVN về kiểm kê và báo cáo phát thải.

6. Nâng cao mức độ áp dụng TCVN và hiệu quả thực thi các tiêu chuẩn để hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế

a) Cơ cấu hệ thống TCVN theo hướng hài hòa giữa vai trò kiến tạo của Nhà nước và chủ động của thị trường, thúc đẩy đổi mới và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

b) Tăng tỷ lệ hài hòa TCVN với tiêu chuẩn quốc tế theo ngành, ưu tiên các lĩnh vực có kim ngạch xuất khẩu lớn, các sản phẩm mang thương hiệu Việt và xây dựng cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn phục vụ doanh nghiệp tiếp cận nhanh yêu cầu kỹ thuật từ các thị trường trọng điểm.

c) Tăng cường tổ chức hội thảo, đào tạo, tư vấn; cung cấp thông tin kỹ thuật từ thị trường xuất khẩu; khuyến khích doanh nghiệp xây dựng kế hoạch áp dụng tiêu chuẩn trong chiến lược kinh doanh.

d) Phổ biến hướng dẫn doanh nghiệp tham gia xây dựng và áp dụng TCVN, đặc biệt trong các ngành công nghệ cao, nông sản, thực phẩm, may mặc, thiết bị điện - điện tử; xây dựng kế hoạch rà soát thường niên để cập nhật tiêu chuẩn theo biến động thị trường và công nghệ.

đ) Tăng cường sử dụng TCVN làm cơ sở kỹ thuật trong hoạt động quản lý nhà nước, bao gồm xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa, hoạt động cấp phép, đấu thầu, mua sắm công và các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, qua đó nâng cao hiệu quả áp dụng của hệ thống TCVN.

7. Phát triển đội ngũ chuyên gia và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Xây dựng và triển khai chính sách phát triển nguồn nhân lực về tiêu chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia và tăng cường năng lực tham gia xây dựng tiêu chuẩn khu vực, quốc tế.

b) Xây dựng chương trình đào tạo chuyên sâu, có cơ chế đặc thù để hình thành đội ngũ chuyên gia tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đạt trình độ quốc tế, đủ năng lực tham gia sâu vào các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế, từng bước đóng góp và dẫn dắt xây dựng tiêu chuẩn khu vực và toàn cầu.

c) Hỗ trợ và tạo điều kiện cho đại diện Việt Nam tham gia đầy đủ các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế; tăng cường tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, diễn đàn tiêu chuẩn hóa quốc tế.

d) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho chính quyền địa phương hai cấp; bảo đảm đủ năng lực triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

đ) Đa dạng hóa các chương trình đào tạo, phổ biến kiến thức cơ bản về tiêu chuẩn hóa cho doanh nghiệp và xã hội, nâng cao nhận thức và năng lực áp dụng tiêu chuẩn.

8. Thực thi hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) và tăng cường minh bạch hóa kỹ thuật

a) Hoàn thiện và vận hành hiệu quả mạng lưới thông báo và hỏi đáp quốc gia về hàng rào kỹ thuật trong thương mại; bảo đảm thực thi đầy đủ và đúng hạn tất cả nghĩa vụ thông báo theo cam kết TBT/WTO, EVFTA và CPTPP. Thiết lập cơ chế cập nhật và chia sẻ thông tin về rào cản kỹ thuật thương mại song phương với các đầu mối của các quốc gia đối tác.

b) Xây dựng hệ thống phân tích tác động kỹ thuật của dự thảo TCVN và quy chuẩn kỹ thuật đối với thương mại xuất nhập khẩu trước khi ban hành; lồng ghép đánh giá TBT vào quy trình xây dựng tiêu chuẩn quốc gia trong các lĩnh vực có kim ngạch xuất khẩu lớn.

c) Xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu về rào cản kỹ thuật thương mại của các thị trường trọng điểm (EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, ASEAN); hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu nhận diện, chuẩn bị và vượt qua các rào cản kỹ thuật thông qua tư vấn, đào tạo và thông tin kịp thời. Phối hợp chặt chẽ với Điểm hỏi đáp TBT quốc gia và các hiệp hội ngành hàng trong triển khai nhiệm vụ này.

9. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tiếp cận và áp dụng tiêu chuẩn

a) Thiết lập chương trình hỗ trợ DNNVV xây dựng và áp dụng TCVN, bao gồm: cơ chế hỗ trợ tài chính (voucher tiêu chuẩn) cho DNNVV tiếp cận dịch vụ tư vấn và chứng nhận tiêu chuẩn; công thông tin TCVN miễn phí và thân thiện với người dùng; chương trình đào tạo áp dụng tiêu chuẩn tại chỗ theo từng ngành sản xuất và dịch vụ trọng điểm.

b) Phát triển mạng lưới tư vấn tiêu chuẩn tại địa phương, phối hợp với các hiệp hội ngành nghề, phòng thương mại và trường đại học để hỗ trợ DNNVV lồng ghép yêu cầu tiêu chuẩn vào chiến lược kinh doanh và phát triển sản phẩm; ưu tiên các DNNVV trong các ngành xuất khẩu trọng điểm và các vùng kinh tế trọng điểm.

c) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế miễn hoặc giảm phí truy cập TCVN cho DNNVV và các tổ chức phi lợi nhuận; tăng cường phổ biến TCVN dưới dạng tóm tắt kỹ thuật, hướng dẫn áp dụng thực tế và các công cụ tự đánh giá phù hợp với năng lực của DNNVV.

10. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho hoạt động tiêu chuẩn hóa

a) Phát triển cơ chế hợp tác công tư (PPP) trong xây dựng TCVN cho các lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ và công nghệ: Nhà nước bảo đảm nguồn lực cho xây dựng TCVN phục vụ quản lý nhà nước và lợi ích công cộng; hiệp hội ngành nghề và doanh nghiệp đồng tài trợ xây dựng TCVN phục vụ nhu cầu thị trường; xây dựng khung pháp lý rõ ràng cho cơ chế PPP trong tiêu chuẩn hóa.

b) Xây dựng và triển khai khung thu hút, quản lý hỗ trợ kỹ thuật quốc tế và nguồn vốn ODA cho hoạt động tiêu chuẩn hóa, bao gồm các chương trình hỗ trợ của EU (EVFTA Implementation Fund), GIZ, JICA và các tổ chức quốc

tế khác; xây dựng danh mục dự án ưu tiên cần hỗ trợ quốc tế trong lĩnh vực SMART Standards, phòng thử nghiệm và đào tạo chuyên gia.

c) Thiết lập cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư cho hoạt động tiêu chuẩn hóa, bao gồm các chỉ số đo lường tác động kinh tế của TCVN đối với năng suất lao động, kim ngạch xuất khẩu và năng lực cạnh tranh quốc gia.

d) Việc huy động, sử dụng các nguồn lực, kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược; trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách và văn bản quy phạm pháp luật nhằm bảo đảm thực thi hiệu quả Chiến lược; tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược và định kỳ hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Giao Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện Chiến lược trong đó có quản lý, điều phối thống nhất hoạt động tiêu chuẩn hoá từ trung ương đến địa phương nhằm phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia đồng bộ, hiện đại; theo dõi, đánh giá việc triển khai thực hiện Chiến lược.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành rà soát, xây dựng và hoàn thiện danh mục TCVN, bảo đảm hệ thống tiêu chuẩn quốc gia từng bước bao phủ các lĩnh vực quản lý nhà nước, kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường.

d) Chủ trì tổng hợp nhu cầu kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chiến lược từ các bộ, ngành, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định pháp luật có liên quan.

đ) Chủ trì xây dựng khung pháp lý và hướng dẫn triển khai cơ chế hợp tác công tư (PPP) trong xây dựng TCVN; xây dựng danh mục dự án ưu tiên thu hút hỗ trợ kỹ thuật quốc tế và vốn ODA cho hoạt động tiêu chuẩn hóa; thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư ngân sách nhà nước cho lĩnh vực tiêu chuẩn quốc gia.

e) Tăng cường hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn hóa, tổ chức cơ chế “Đối thoại tiêu chuẩn” định kỳ giữa cơ quan tiêu chuẩn quốc gia và các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế như ISO, IEC, ITU, CAC; thúc đẩy việc cử chuyên gia Việt Nam tham gia và đồng chủ trì các dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc tế trong các lĩnh vực Việt Nam có lợi thế.

g) Tổ chức triển khai chương trình truyền thông quốc gia về tiêu chuẩn, lồng ghép nội dung tiêu chuẩn hóa vào chương trình giáo dục và đào tạo; biên

soạn và phát hành tài liệu phổ biến tiêu chuẩn phù hợp với từng nhóm đối tượng sử dụng.

h) Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo và đề xuất, kiến nghị tại Tờ trình số 79/TTr-BKH-CN ngày 29 tháng 4 năm 2026.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

a) Chủ trì xây dựng kế hoạch triển khai các nội dung của Chiến lược trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn được phân công; tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện hằng năm gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp.

b) Phối hợp chặt chẽ với Bộ Khoa học và Công nghệ trong quá trình triển khai Chiến lược; tổ chức đánh giá kết quả thực hiện theo từng nhóm nhiệm vụ; báo cáo định kỳ hằng năm trước ngày 10 tháng 12 và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu; kịp thời phản ánh, kiến nghị, đề xuất biện pháp xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

c) Tổ chức xây dựng, rà soát và thúc đẩy áp dụng TCVN trong ngành, lĩnh vực và địa phương, gắn với yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của doanh nghiệp.

d) Chủ động tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn áp dụng TCVN, phù hợp với đặc thù của từng ngành, lĩnh vực và địa phương nhằm nâng cao nhận thức và thúc đẩy áp dụng tiêu chuẩn trong hoạt động quản lý, sản xuất và kinh doanh.

đ) Bố trí nguồn lực và lồng ghép các chương trình, nhiệm vụ có liên quan để triển khai hiệu quả các nội dung của Chiến lược theo thẩm quyền, quy định của pháp luật.

3. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hội, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp

a) Chủ động tham gia tổ chức triển khai và tuyên truyền thực hiện Chiến lược; tham gia xây dựng, góp ý, phản biện và triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và áp dụng TCVN trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

b) Tăng cường cung cấp các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, xây dựng và áp dụng TCVN, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực và tiêu chuẩn nước ngoài; phối hợp với cơ quan nhà nước trong việc triển khai các chương trình, đề án liên quan đến xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và thực hiện hiệu quả các nội dung của Quyết định này.

c) Chủ động tham gia, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược và các ngành, lĩnh vực trọng điểm; đề xuất nhu cầu xây dựng tiêu chuẩn gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh và yêu cầu của thị trường; tích cực tham gia các Ban kỹ thuật TCVN và các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế.

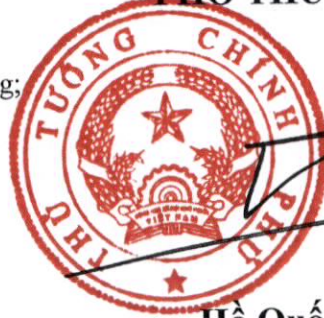
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp VN;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, KGVX (2).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hồ Quốc Dũng